

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 – ĐỀ 1

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 5

Bộ sách: Chân trời sáng tạo

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)**Câu 1.** Phân số nào dưới đây là phân số thập phân

- A. $\frac{100}{57}$ B. $\frac{65}{100}$ C. $\frac{15}{20}$ D. $\frac{30}{55}$

Câu 2. Số lớn nhất trong các số 58,011 ; 58,101 ; 58,010 ; 58,1 là:

- A. 58,011 B. 58,101 C. 58,010 D. 58,1

Câu 3. Lớp 4A có 45 bạn học sinh, trong đó có 28 bạn nữ. Vậy tỉ số giữa số bạn nam và số bạn nữ của lớp 4A là:

- A. $\frac{28}{45}$ B. $\frac{28}{17}$ C. $\frac{17}{28}$ D. $\frac{17}{45}$

Câu 4. Quãng đường từ thành phố A đến thành phố B dài 250 km. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1 000 000, quãng đường đó dài:

- A. 25 mm B. 25 cm C. 25 dm D. 25 m

Câu 5. Chị Hoa pha được 1 500 ml nước chanh. Chị rót đều lượng nước chanh này vào 6 cốc. Hỏi nếu pha 3 l nước chanh thì chị Hoa rót được vào bao nhiêu cốc như thế?

- A. 8 cốc B. 9 cốc C. 12 cốc D. 14 cốc

Câu 6. Một nhà máy có diện tích là 1 ha 200 m². Biết nhà máy chia thành hai phân xưởng. Diện tích của phân xưởng A bằng $\frac{3}{7}$ diện tích của phân xưởng B. Vậy diện tích của phân xưởng B là:

- A. 7 140 m² B. 3 060 m² C. 3 600 m² D. 8 400 m²

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Thực hiện phép tính:

a) $1\frac{2}{3} + \frac{1}{4} - \frac{7}{8}$

b) $\frac{8}{25} \times \frac{75}{19} \times \frac{19}{16}$

.....

.....

.....

Câu 2. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 5km 63m = km

b) 18 m² 35 dm² = m²

c) 219 000 m² = ha

d) 36 ha = km²

Câu 3. Để lát nền một phòng học hình chữ nhật có chiều dài 12m, chiều rộng 8 m người ta dùng loại gạch men hình vuông có cạnh 40 cm. Giá mỗi viên gạch là 25 000 đồng. Hỏi để lát kín phòng học đó người ta cần bao nhiêu tiền để mua gạch, biết phần mạch vữa không đáng kể.

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4. Trong một khu vườn có số cây xoài bằng $\frac{8}{5}$ số cây nhãn. Biết rằng số cây xoài nhiều hơn số cây nhãn là 36 cây. Hỏi khu vườn đó có bao nhiêu cây xoài, bao nhiêu cây nhãn.

.....

.....

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phân số nào dưới đây là phân số thập phân:

- A. $\frac{100}{57}$ B. $\frac{65}{100}$ C. $\frac{15}{20}$ D. $\frac{30}{55}$

Phương pháp

Phân số thập phân có mẫu số là 10, 100, 1 000, ...

Lời giải

Phân số thập phân là $\frac{65}{100}$

Đáp án: B

Câu 2. Số lớn nhất trong các số 58,011 ; 58,101 ; 58,010 ; 58,1 là:

- A. 58,011 B. 58,101 C. 58,010 D. 58,1

Phương pháp

So sánh các số đã cho để xác định số lớn nhất.

Lời giải

Ta có $58,101 > 58,1 > 58,011 > 58,010$

Vậy số lớn nhất trong các số đã cho là 58,101

Đáp án: B

Câu 3. Lớp 4A có 45 bạn học sinh, trong đó có 28 bạn nữ. Vậy tỉ số giữa số bạn nam và số bạn nữ của lớp 4A là:

- A. $\frac{28}{45}$ B. $\frac{28}{17}$ C. $\frac{17}{28}$ D. $\frac{17}{45}$

Phương pháp

Tỉ số của a và b được viết là a : b hay $\frac{a}{b}$

Lời giải

Số bạn nam là $45 - 28 = 17$ (bạn)

Vậy tỉ số giữa số bạn nam và số bạn nữ của lớp 4A là: $\frac{17}{28}$

Đáp án: C

Câu 4. Quãng đường từ thành phố A đến thành phố B dài 250 km. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1 000 000, quãng đường đó dài:

- A. 25 mm B. 25 cm C. 25 dm D. 25 m

Phương pháp

Đổi 250 km sang đơn vị cm

Quãng đường trên bản đồ = Quãng đường thực tế : số lần thu nhỏ của bản đồ

Lời giải

Đổi: 250 km = 25 000 000 cm

Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1 000 000, quãng đường đó dài: $25\ 000\ 000 : 1\ 000\ 000 = 25$ (cm)

Đáp án: B

Câu 5. Chị Hoa pha được 1 500 ml nước chanh. Chị rót đều lượng nước chanh này vào 6 cốc. Hỏi nếu pha 3 l nước chanh thì chị Hoa rót được vào bao nhiêu cốc như thế?

- A. 8 cốc B. 9 cốc C. 12 cốc D. 14 cốc

Phương pháp

Đổi: 3 l sang đơn vị ml

Giải bài toán theo phương pháp tìm tỉ số hoặc rút về đơn vị

Lời giải

Đổi: 3 l = 3 000 ml

3 000 ml gấp 1 500 ml số lần là:

$$3\ 000 : 1\ 500 = 2 \text{ (lần)}$$

Nếu pha 3 l nước chanh thì chị Hoa rót được số cốc nước chanh là:

$$6 \times 2 = 12 \text{ (cốc)}$$

Đáp án: C

Câu 6. Một nhà máy có diện tích là 1 ha 200 m². Biết nhà máy chia thành hai phân xưởng. Diện tích của phân xưởng A bằng $\frac{3}{7}$ diện tích của phân xưởng B. Vậy diện tích của phân xưởng B là:

- A. 7 140 m² B. 3 060 m² C. 3 600 m² D. 8 400 m²

Phương pháp

Đổi: 1 ha 200 m² sang đơn vị mét vuông

Tìm tổng số phần bằng nhau và giá trị 1 phần

Diện tích phân xưởng B = giá trị 1 phần x số phần diện tích phân xưởng B

Lời giải

Đổi: 1 ha 200 m² = 10 200 m²

Tổng số phần bằng nhau là $3 + 7 = 10$ (phần)

Giá trị của 1 phần là: $10\ 200 : 10 = 1\ 020$

Diện tích của phân xưởng B là: $1\ 020 \times 7 = 7\ 140$ (m²)

Đáp án: A

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Thực hiện phép tính:

a) $1\frac{2}{3} + \frac{1}{4} - \frac{7}{8}$

b) $\frac{8}{25} \times \frac{75}{19} \times \frac{19}{16}$

Phương pháp

a) Chuyển các hỗn số về phân số rồi thực hiện theo quy tắc đã học.

b) Chia cả tử số và mẫu số cho các thừa số chung

Lời giải

a) $1\frac{2}{3} + \frac{1}{4} - \frac{7}{8} = \frac{5}{3} + \frac{1}{4} - \frac{7}{8} = \frac{40}{24} + \frac{6}{24} - \frac{21}{24} = \frac{25}{24}$

b) $\frac{8}{25} \times \frac{75}{19} \times \frac{19}{16} = \frac{8 \times 75 \times 19}{25 \times 19 \times 16} = \frac{8 \times 25 \times 3 \times 19}{25 \times 19 \times 8 \times 2} = \frac{3}{2}$

Câu 2. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 5km 63m = km

b) 18 m² 35 dm² = m²

c) 219 000 m² = ha

d) 36 ha = km²

Phương phápÁp dụng cách đổi: 1m = $\frac{1}{1000}$ km ; 1 dm² = $\frac{1}{100}$ m²

1m² = $\frac{1}{10000}$ ha ; 1ha = $\frac{1}{100}$ km²

Lời giải

a) 5km 63m = **5,063** km

b) 18 m² 35 dm² = **18,35** m²

c) 219 000 m² = **21,9** ha

d) 36 ha = **0,36** km²

Câu 3. Để lát nền một phòng học hình chữ nhật có chiều dài 12m, chiều rộng 8 m người ta dùng loại gạch men hình vuông có cạnh 40 cm. Giá mỗi viên gạch là 25 000 đồng. Hỏi để lát kín phòng học đó người ta cần bao nhiêu tiền để mua gạch, biết phần mạch vữa không đáng kể.**Phương pháp**

- Tìm diện tích nền phòng học = chiều dài x chiều rộng
- Tìm diện tích mỗi viên gạch
- Tìm số viên gạch để lát nền nhà
- Tìm số tiền để mua gạch

Lời giải

Diện tích nền phòng học là:

$12 \times 8 = 96 \text{ (m}^2\text{)}$

Diện tích mỗi viên gạch là:

$$40 \times 40 = 1\,600 \text{ (cm}^2\text{)}$$

$$\text{Đổi: } 96 \text{ m}^2 = 960\,000 \text{ cm}^2$$

Số viên gạch để lát nền phòng học là:

$$960\,000 : 1\,600 = 600 \text{ (viên)}$$

Số tiền để mua gạch là:

$$25\,000 \times 600 = 15\,000\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 15 000 000 đồng

Câu 4. Trong một khu vườn có số cây xoài bằng $\frac{8}{5}$ số cây nhãn. Biết rằng số cây xoài nhiều hơn số

cây nhãn là 36 cây. Hỏi khu vườn đó có bao nhiêu cây xoài, bao nhiêu cây nhãn.

Phương pháp

- Vẽ sơ đồ
- Tìm hiệu số phần bằng nhau và giá trị 1 phần
- Tìm số cây xoài = Giá trị 1 phần \times số phần của cây xoài
- Tìm số cây nhãn = số cây xoài $-$ 36 cây

Lời giải

Ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, hiệu số phần bằng nhau là:

$$8 - 5 = 3 \text{ (phần)}$$

Giá trị của 1 phần là:

$$36 : 3 = 12$$

Số cây xoài là:

$$12 \times 8 = 96 \text{ (cây)}$$

Số cây nhãn là:

$$96 - 36 = 60 \text{ (cây)}$$

Đáp số: Cây xoài: 96 cây

Cây nhãn: 60 cây